

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 87/2018/DS-PT

Ngày 20 - 9 - 2018

V/v tranh chấp vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1972; cư trú tại ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A: Bà T, sinh năm 1976; cư trú tại ấp 2A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2017), (có mặt).

- Bị đơn: Bà M, sinh năm 1955; cư trú tại ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà T, sinh năm 1976; cư trú tại ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trình bày: Ngày 26/12/2006, vợ chồng bà T và ông A có cho bà M mượn 1,5 chỉ vàng 24k. Khi cho mượn hai bên có làm giấy tờ “Giấy cho mượn vàng” đề ngày 26/12/2017, không lãi suất, thời hạn thanh toán khi nào bà và ông A cần thì thông báo cho bà M và bà M có nghĩa vụ trả số vàng nêu trên. Tuy nhiên, khi vợ chồng bà yêu cầu bà M thanh toán thì bà M không đồng ý thanh toán cho vợ chồng bà số vàng này. Nay, vợ chồng bà yêu cầu bà M có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà và ông A 1,5 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà M trình bày: Tháng 12/2016, bà có vay của ông A 1,5 chỉ vàng 24k, thời hạn vay hai bên thỏa thuận 10 ngày bà sẽ trả lại cho ông A, khi vay có làm giấy tờ, nhưng ông A là người cất giữ giấy tờ này. Đến thời hạn trả bà đã trả số vàng 1,5 chỉ 24k cho ông A thông qua bà N là em dâu của ông A, quy đổi ra thành tiền là 4.950.000 đồng và tiền lãi là 150.000 đồng; tổng cộng là 5.080.000 đồng. Do bà đã trả xong, nên bà không đồng ý trả cho ông A 1,5 chỉ vàng 24k theo yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà M về việc tranh chấp vay tài sản. Buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông A và bà T 1,5 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, điều luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, bà M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà M được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bà M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bà T và ông A xác định, ngày 26/12/2017, vợ chồng bà T và ông A có cho bà M mượn 1,5 chỉ vàng 24k. Khi cho mượn hai bên có làm giấy tờ “Giấy cho mượn vàng” đề ngày 26/12/2017, không lãi suất, thời hạn thanh toán khi nào bà T và ông A cần thì thông báo cho bà M và bà M có nghĩa vụ trả số vàng nêu trên. Bà M thừa nhận có vay 1,5 chỉ vàng 24k của ông A, nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tuy nhiên, bà M cho rằng sau khi vay được 10 ngày bà đã trả 1,5 chỉ vàng 24k cho ông A thông qua bà N là em dâu của ông A bằng số tiền là 5.080.000 đồng (quy đổi thành tiền 1,5 chỉ vàng 24k là 4.950.000đ và tiền lãi 150.000đ). Sau khi giao tiền cho bà N, ngày 25/6/2017 bà M gặp ông A bà có nói cho ông A biết đã trả tiền cho ông A thông qua bà N, lúc này có mặt bà N và một số người chứng kiến như bà C, bà Nguyễn Thị Diễm H và bà Lê Thị H, nhưng vợ chồng ông A không thừa nhận.

[5] Tòa án tiến hành xác minh đối với bà C, bà Nguyễn Thị Diễm H (bút lục 34 – 35) đều xác định bà C và bà H không trực tiếp chứng kiến sự việc bà M trả tiền cho ông A, chỉ nghe bà M nói với ông A việc bà M trả vàng cho ông A thông qua bà N, nhưng ông A không thừa nhận; còn bà Lê Thị H (bút lục 36) xác định hoàn toàn không biết sự việc trên. Ngoài ra, căn cứ Biên bản xác minh ngày 16/4/2018 (bút lục 37) bà N đã đi khỏi địa phương khoảng 02 năm, trong khi bà M cho rằng bà trả vàng cho ông A thông qua bà N vào ngày 25/6/2017, thời điểm này bà N không có mặt tại địa phương, nên không có căn cứ xác định bà M đã trả vàng ông A thông qua bà N.

[6] Như vậy, bà M thừa nhận có vay 1,5 chỉ vàng 24k của ông A thì bà M phải thực hiện nghĩa vụ của người vay là trả nợ cho bên vay khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Trường hợp có căn cứ chứng minh bà M giao tiền cho bà N thì bà M có quyền khởi kiện bà N bằng vụ kiện khác.

[7] Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với bà M về việc tranh chấp vay tài sản. Buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông A và bà T 1,5 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng. Ông O không phải chịu, ông O đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010289 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng. Bà M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011749 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;

(đã ký)

- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều